

# PERCEPTION OF STUDENTS SPECIALIZING IN CHINESE LANGUAGE ABOUT CHINESE NAMING CULTURE

## THE CASE OF HUNG VUONG UNIVERSITY

Do Tien Quan<sup>a</sup>; Le Thi Thu Trang<sup>b</sup>  
Khong Thi Ha Giang<sup>c</sup>; Tran Thi Ngoc Chi<sup>d</sup>

Faculty of Foreign Languages, Hung Vuong University

Email: <sup>a</sup> [quandovn@yahoo.com](mailto:quandovn@yahoo.com); <sup>b</sup> [thutranglz@gmail.com](mailto:thutranglz@gmail.com); <sup>c</sup> [hagiang271199hgvp@gmail.com](mailto:hagiang271199hgvp@gmail.com); <sup>d</sup> [tranchi41001@gmail.com](mailto:tranchi41001@gmail.com)

Received: 26/1/2022; Reviewed: 13/2/2022; Revised: 19/2/2022; Accepted: 07/3/2022; Released: 31/3/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/643>

As an important component of traditional Chinese culture, the Chinese fullname culture has always been highly valued by linguistic and cultural researchers. The name is not only a symbol representing a person, but also a reflection of the economic, social, customs, habits, family concept, life values, ideals... of an era, a country, a nation. Therefore, full name, especially “name” has a very deep cultural connotation. For Vietnamese students and learners majoring in Chinese language, learning about the cultural connotations in Chinese names is also a must-have topic. From the perspective of applied linguistics, on the basis of scientific theory and practice, by means of investigation, survey, statistics, analysis and synthesis, the article clarifies the perception of students majoring in Chinese language, Hung Vuong University on Chinese naming culture, laid a scientific foundation for solutions and recommendations on teaching and learning Chinese in Vietnam, contributing to improving the quality of teaching, specialized research.

**Keywords:** Perception; Culture; Name; Chinese people.

### 1. Đặt vấn đề

Mục tiêu cuối cùng của việc dạy học tiếng Trung Quốc là giúp người học nắm vững kiến thức, thành thục các kỹ năng vận dụng ngôn ngữ, am hiểu về văn hóa Trung Quốc, từ đó giao tiếp thành công trong môi trường liên văn hóa. Văn hóa và ngôn ngữ trong dạy và học ngoại ngữ có liên quan mật thiết với nhau. Ngôn ngữ và văn hóa là hai bộ phận không thể tách rời nhau, nền văn hóa là kết quả của sự tương tác của con người, các hành vi, hoạt động giao tiếp là thể hiện cụ thể của biểu hiện văn hóa của mỗi cộng đồng, mỗi đất nước, dân tộc. Do đó, khi giảng dạy ngôn ngữ nói chung, ngôn ngữ Trung Quốc nói riêng, thì việc giảng dạy, vận dụng kiến thức văn hóa của ngôn ngữ đích là điều vô cùng cần thiết. Trung Quốc là đất nước có lịch sử lâu đời, văn hóa truyền thống rực rỡ. Đối với những sinh viên, người học Việt Nam chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc, tìm hiểu về nội hàm văn hóa trong tên người Trung Quốc cũng là một chủ đề bắt buộc. Tuy nhiên, trong quá trình học ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc nói chung, vấn đề văn hóa trong tên người Trung Quốc nói riêng, sinh viên, người học Việt Nam vẫn còn gặp một số khó khăn nhất định, điều này cần được làm rõ cả về lý luận và thực tiễn, đặc biệt là phải khảo sát, tìm hiểu thực trạng học, hiểu, nắm bắt và vận dụng vấn đề tên người Trung Quốc nói riêng, văn hóa Trung Quốc nói chung,

nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Trung Quốc ở Việt Nam.

### 2. Tổng quan nghiên cứu

Là một thành phần cấu thành quan trọng của văn hóa truyền thống Trung Hoa, văn hóa “tên” của người Trung Quốc luôn được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa hết sức coi trọng. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này. Cụ thể:

Bành Tăng An cho rằng, trong giảng dạy, vận dụng kiến thức văn hóa có 7 nguyên tắc phải tuân thủ, đó là: (i) Kết hợp giữa ngôn ngữ và văn hóa; (ii) Tính thực dụng; (iii) Tính song song; (iv) Tính giai đoạn; (v) Tính đối trọng; (vi) Lấy văn hóa chính thống làm chủ đạo; (vii) Kết hợp giữa tính phù hợp và hệ thống (An, 2006, tr.272-273).

Học giả La Thường Bồi chỉ ra, tiếng Trung Quốc là công cụ để xây dựng và truyền bá văn hóa Trung Quốc, ngôn ngữ và văn hóa là hai mặt không thể tách rời của một quốc gia, dân tộc. Do đó, việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc không tách rời với học tập và nghiên cứu văn hóa Trung Quốc (Boi, 2011, tr.1).

Thôi Hi Lượng lại xuất phát từ 3 góc độ: Tên người là phản ánh của văn hóa, là chiếu xạ của tâm lý xã hội, tên người ẩn chứa mã văn hóa để nghiên cứu, chỉ ra, tên người có quan hệ mật thiết với trào lưu văn hóa, sự biến đổi xã hội, diễn biến lịch sử, quan niệm,

nguyện vọng, tâm lý,... (Luong, 2017, tr.108).

Tác giả Hàn Giám Đường chỉ ra, họ tên người Trung Quốc là một hiện tượng văn hóa vô cùng phức tạp, có nội hàm văn hóa sâu sắc. Việc đặt tên là sự phản ánh tổng hợp của các yếu tố: Tổ chất văn hóa, trạng thái tâm lý,... Mỗi cái tên của người Trung Quốc đều có hàm ý nào đó. Từ cái tên này, chúng ta có thể thấy các hiện tượng, không khí xã hội, lịch sử, luân lý, tôn giáo,... Đây cũng là quan điểm tương đối chính thống của các cuốn giáo trình mà Trung Quốc sử dụng dành cho giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, đặc biệt là đối với sinh viên nước ngoài (Duong, 2014, tr.38-42).

Trần Ngạn Y, Vương Tuyết Kiều chỉ ra, về mặt đặc trưng bề ngoài, họ tên chỉ là ký hiệu thay thế cho một con người, nhưng khi thêm vào đó động cơ, tình cảm, thì họ tên đã trở nên hết sức phức tạp. Tổng quan lịch sử văn hóa Trung Quốc, họ tên là sự phản ánh trực tiếp nhất những đặc trưng văn hóa xã hội, là sự kết hợp giữa văn hóa truyền thống và đặc trưng thời đại, phản ánh tiến trình phát triển của lịch sử Trung Quốc (Y & Kieu, 2017, tr.25).

Vương Mân lại chú trọng xem xét các đặc điểm của tên tiếng Trung Quốc trên các mặt: Cách phát âm, cách sử dụng ký tự và sở thích đặt tên. Nghiên cứu cũng phân tích và đưa ra một số nguyên tắc và gợi ý để tối ưu hóa các phương pháp đặt tên, hy vọng sẽ cung cấp thông tin tham khảo cho những người chọn tên để đặt, đồng thời nhấn mạnh yếu tố tâm lý, phương thức tư duy, giá trị quan niệm trong khi đặt tên của người Trung Quốc (Man, 2021, tr.1).

Theo giáo sư Nguyễn Văn Khang, họ tên người Việt Nam ít nhiều chịu ảnh hưởng của Trung Quốc, đồng thời cũng mang những bản sắc dân tộc rõ rệt: “Tính” là sự biểu thị của gia tộc, có nghĩa là “họ” (trong tiếng Việt, “tính” được dùng với tư cách là yếu tố tạo từ trong tổ hợp tính danh, danh tính). “Thuyết văn giải tự” đã giải thích “Tính” là “nhân sở sinh dã”, có thể hiểu rằng “thể hệ sau mà được sinh ra cùng giới nữ tức là cùng tính” (cùng họ). Còn “Thị” cũng được giải thích là “Tính” (họ). “Thị” xuất hiện sớm nhất vào giai đoạn quá độ chuyển từ xã hội thị tộc mẫu hệ sang xã hội thị tộc phụ hệ (Khang, 1999, tr.65).

Có thể thấy, hiện nay ở Trung Quốc, tài liệu nghiên cứu liên quan đến họ tên, cách đặt tên của người Trung Quốc vô cùng phong phú, làm nổi bật mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, việc cần thiết phải tìm hiểu, học hỏi, nghiên cứu văn hóa Trung Quốc trong quá trình học tập ngôn ngữ Trung Quốc. Việc tìm hiểu, phân tích về văn hóa họ tên, cách dùng chữ đặt tên của Trung Quốc đã được tiến hành sâu rộng, một cách có hệ thống. Ở Việt Nam cũng đã xuất hiện một số nghiên cứu về họ tên người Trung Quốc, nhưng chưa thấy có nghiên cứu điều tra khảo sát về mức độ nhận thức của sinh viên về văn hóa đặt tên của người Trung Quốc, làm cơ

sở để vận dụng trong giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Việt Nam. Đối với những sinh viên, người học Việt Nam chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc, tìm hiểu về nội hàm văn hóa trong tên người Trung Quốc cũng là một chủ đề bắt buộc. Tuy nhiên, do những khó khăn về mặt tư liệu, việc mở rộng tìm hiểu về lĩnh vực này còn có mặt tương đối hạn chế. Xuất phát từ nguyên nhân nói trên, bằng phương pháp điều tra, khảo sát, thống kê, phân tích và tổng hợp, nghiên cứu này làm rõ mức độ nhận thức của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam - Trường hợp Đại học Hùng Vương về văn hóa đặt tên của người Trung Quốc, đặt cơ sở cho những giải pháp, kiến nghị sau này về việc học tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu chuyên ngành.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp khảo sát, thống kê thực chứng: Khảo sát nhận thức của sinh viên tiếng Trung Quốc trường Đại học Hùng Vương đối với văn hoá đặt tên của người Trung Quốc, lỗi sai khi dịch tên của người Trung Quốc,... làm một trong những cơ sở cho những khuyến nghị và kết luận của đề tài.

Phương pháp phân tích tổng hợp: Phân chia nội dung khảo sát, nghiên cứu thành các phần, các bộ phận khác nhau nhằm nghiên cứu; nhận biết các mối quan hệ bên trong và sự phụ thuộc trong sự phát triển của nội hàm nghiên cứu, sau đó liên kết, thống nhất các bộ phận đã được phân tích lại, tổng hợp ngữ liệu, dữ liệu từ nhiều cơ sở, phát hiện xu hướng, chọn lọc thông tin quan trọng, khái quát lại nhằm nhận thức lại toàn bộ mức độ nhận thức về văn hóa tên người Trung Quốc trong một chỉnh thể thống nhất, làm cơ sở cho những khuyến nghị và kết luận của đề tài.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa

Lã Tất Tùng chỉ ra, “Nghiên cứu ngôn ngữ từ góc độ dạy và học ngôn ngữ, thì nhất định phải nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, bởi vì sự nắm bắt, hiểu và sử dụng ngôn ngữ không thể tách rời với nhân tố văn hóa nhất định” (Tung, 1992, tr.120). Từ quan điểm nhân chủng học, ngôn ngữ là phương tiện chuyên chở văn hóa, là linh hồn của văn hóa, là hình ảnh ánh xạ của văn hóa.

Ngôn ngữ cũng là thành phần quan trọng nhất của văn hóa. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa là không thể tách rời nhau. Ngôn ngữ là một hệ thống ký hiệu kết hợp ý và nghĩa, nhưng nó không chỉ đơn thuần là một công cụ mà con người sử dụng để suy nghĩ và giao tiếp, quan trọng hơn, đó là sự thể hiện bản chất đặc trưng văn hóa dân tộc của con người. Ngôn ngữ xuất hiện sau khi xã hội loài người

hình thành, và phát triển liên tục cùng với sự phát triển của xã hội. Là một biểu tượng giao tiếp đặc biệt của nhân loại, ngôn ngữ có chức năng đặc thù trong sự phát triển của văn hóa loài người.

Quá trình này có chức năng đặc biệt và đóng một vai trò không thể thay thế. Với sự phát triển không ngừng của văn hóa, ngôn ngữ đã dần trở thành một phần quan trọng của văn hóa, trở thành một hình thức văn hóa đặc biệt. Nhà ngôn ngữ học người Mỹ C. Kramsch từng chỉ rõ: Lời nói là phương tiện và phản ánh có ý nghĩa, có chức năng biểu hiện kép khi mang ý nghĩa. Một mặt, nó thể hiện suy nghĩ và ý định của người nói, mặt khác, thể hiện sự quy ước trong nhóm ngôn ngữ thuộc về người nói. Hai mặt này đều không thể tách rời và phụ thuộc lẫn nhau. Ngôn ngữ được tạo ra bởi con người, rời khỏi con người sẽ không có ý nghĩa của sự tồn tại. Con người sống trong một nhóm văn hóa và xã hội nhất định, giữa các nhóm văn hóa khác nhau và các nhóm xã hội rất khác nhau. Do đó, chủ thể con người sử dụng ngôn ngữ (một dân tộc nhất định) chắc chắn sẽ có những đặc trưng văn hóa tương ứng với sự tiến hóa, phát triển lịch sử, địa lý, thời đại,... của họ tạo thành một nền văn hóa độc đáo. Những điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến ngôn ngữ của nhóm con người hoặc dân tộc này, từ đó tạo ra một nền văn hóa đa ngôn ngữ và phong phú của tất cả các dân tộc trên thế giới ngày nay (Sieu, 2012, tr.12). Vì vậy, ngôn ngữ là biểu hiện quan trọng nhất của văn hóa dân tộc, có thể tìm thấy dấu ấn văn hóa và lịch sử của quốc gia khác nhau từ giọng nói, từ vựng và ngữ pháp của các ngôn ngữ quốc gia khác nhau. Học ngôn ngữ của một quốc gia có nghĩa là học văn hóa của quốc gia đó, hoặc theo một cách nói khác, để hiểu thêm về một nền văn hóa, cách tốt nhất là để tìm hiểu ngôn ngữ của văn hóa này.

Vương Tiểu Lộ, Vương Nghệ Trân chỉ ra, những ý nghĩa thực sự thể hiện trong từ ngữ là sự tích lũy văn hóa, chứ không phải là một đặc điểm ngữ nghĩa nổi trong ngôn ngữ (Lo & Tran, 2020, tr.176). Do đó, có thể nhận thấy, việc đặt tên cho các thực thể văn hóa là một trong những chức năng thiết yếu của ngôn ngữ. Là một hình thức văn hóa, ngôn ngữ thể hiện cách suy nghĩ và chiều sâu tư duy của con người. Sản phẩm trực tiếp của tư duy con người là văn hóa tinh thần, còn sản phẩm gián tiếp chính là văn hóa vật chất. Khi học ngôn ngữ, người học sử dụng các biểu tượng của ngôn ngữ để ghi lại thế giới văn hóa bên ngoài. Đồng thời, việc học ngôn ngữ đó không thể tách rời khỏi nền tảng văn hóa của ngôn ngữ đích. Nói cách khác, nếu người học không hiểu nền tảng lịch sử dân tộc của ngôn ngữ đích, cũng như phong tục văn hóa dân gian, đặc điểm văn hóa,... của dân tộc nói ngôn ngữ đích đó, thì khó có thể thực sự nắm vững và sử dụng ngôn ngữ này. Do đó, hiểu và làm quen với ý nghĩa văn hóa ẩn dấu trong những từ ngữ của ngôn ngữ được học là điều tối cần thiết. Đặc biệt, khi học

tập chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc - ngôn ngữ gắn chặt với nền văn hóa, văn minh Trung Quốc rực rỡ hơn 5000 năm lịch sử.

#### 4.2. Khái niệm về nhận thức

Theo từ điển tiếng Việt, nhận thức là “kết quả của quá trình phản ánh và tái hiện hiện thực vào trong tư duy; kết quả con người nhận biết, hiểu biết thế giới khách quan; nhận ra và biết được, hiểu được” (Phe, 2015, tr.934).

Theo từ điển Hán ngữ ứng dụng, nhận thức là “có khả năng phân biệt rõ, xác định được; sự phản ánh của não bộ đối với sự vật khách quan” (Trung tam Nghiên cứu tu thư, 2000, tr.1095).

Tâm lý học tri nhận (Cognition psychology) cho rằng, nhận thức của con người (Cognition) là một quá trình tâm lý mà các cá nhân chủ động tìm kiếm thông tin, nhận thông tin và xử lý thông tin trong một cấu trúc nhất định. (1) Hoạt động nhận thức là nền tảng của các hoạt động tâm lý và hành vi khác của con người, là hoạt động tâm lý cơ bản của con người, nó bao gồm các quá trình tâm lý cụ thể như cảm giác, tri giác, bộ nhớ, tư duy,... Nhận thức của con người bắt đầu với việc tiếp nhận thông tin, bao gồm cảm giác (Sensation) và tri giác (Perception). Thông tin mà con người thu được thông qua cảm giác, tri giác không bị dừng lại hoặc biến mất ngay lập tức bởi các tác động, kích thích hiện tại, mà nó sẽ tiếp tục được lưu giữ trong tâm trí con người, hình thành kinh nghiệm cá nhân và tái tạo khi cần thiết, một quá trình được gọi là bộ nhớ (Memory). Tâm lý học nhận thức chia bộ nhớ của con người thành bộ nhớ ngắn hạn (Short-time memory) và bộ nhớ dài hạn (Long-time memory), bộ nhớ ngắn hạn là bộ nhớ có thời gian lưu trữ thông tin ngắn và dung lượng hạn chế, trong khi bộ nhớ dài hạn là bộ nhớ được lưu trữ dài và dung lượng có thể tiếp cận bộ nhớ vô hạn. Con người nhận được thông tin thông qua nhận thức và thông qua bộ nhớ lưu trữ thông tin, con người cũng có thể sử dụng kinh nghiệm cá nhân đã có trong tâm trí để gián tiếp và khái quát hóa sự vật, nắm chắc sự liên hệ bản chất, quy luật bên trong của sự vật, quá trình này được gọi là tư duy (Thinking). Ngoài ra, quá trình nhận thức của con người phải đi kèm với một trạng thái chú ý (Attention), trạng thái này đảm bảo cho hoạt động tâm lý hướng đến và tập trung vào một số đối tượng nhất định để hoạt động tâm lý diễn ra suôn sẻ. (2) Do đó, nhận thức của con người là một quá trình mà cá nhân dựa vào bộ máy tiếp nhận, thông qua nhận thức chủ động có được một lượng thông tin nhất định, xử lý từng lớp đối với thông tin đó. Quá trình này tạo thành một bộ xử lý thông tin động phức tạp, không chỉ sử dụng kinh nghiệm cá nhân hiện có để xử lý việc tiếp nhận thông tin, mà còn chi phối các hoạt động của cá nhân dựa trên kết quả xử lý tin tức để đáp ứng với thế giới bên ngoài (Minh, 1990, tr.6).

Trong phạm vi nghiên cứu này, “nhận thức của sinh viên về văn hóa đặt tên của người Trung Quốc”

chính là sự phản ánh các sự vật khách quan liên quan đến văn hóa đặt tên của người Trung Quốc mà sinh viên Việt Nam - trường hợp Đại học Hùng Vương nhận thức được trong não bộ của họ, điều này không chỉ bao gồm các yếu tố khách quan của bản thân họ tên người Trung Quốc như nội hàm văn hóa, cách đặt tên,... mà nó còn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố cá nhân khác như ngôn ngữ mẹ đẻ, thái độ, phương thức học tập,...

**4.3. Khảo sát mức độ nhận thức của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc về văn hóa đặt tên của người Trung Quốc - Trường hợp Đại học Hùng Vương**

Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi đã thiết kế phiếu khảo sát về những khó khăn khi học, tìm hiểu những vấn đề văn hóa nói chung, tên người Trung Quốc nói riêng trong khi học ngôn ngữ Trung Quốc của sinh viên năm thứ 2,3 chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Các câu hỏi trong phiếu được thiết kế theo dạng lựa chọn đáp án và câu hỏi mở, có 3 phần: Phần 1 có tổng cộng 4 câu hỏi, khảo sát về những khó khăn khi học, tìm hiểu những vấn đề văn hóa Trung Quốc nói chung tại Đại học Hùng Vương dưới các góc độ khác nhau (môi trường học, sở thích học, động cơ học, độ khó và nguyên nhân, sự bằng lòng với môn học,...); Phần 2 là phần khảo sát cụ thể về nhận thức của sinh viên khi học, tìm hiểu kiến thức văn hóa trong tên người Trung Quốc; Phần 3 yêu cầu sinh viên dịch một số tên người Trung Quốc ra tiếng Việt, đưa ra phán đoán về giới tính của người mang những cái tên đó. Sau đó, chúng tôi tiến hành khảo sát đối với các lớp sinh viên đã và đang học năm thứ 2, 3 (K17, K18), thu về được 108 phiếu hợp lệ. Kết quả khảo sát được thể hiện ở các phần phân tích cụ thể lần lượt trong các phần 4.3.1; 4.3.2; 4.3.3.

**4.3.1. Khảo sát về nhận thức chung của sinh viên khi học, tìm hiểu văn hóa Trung Quốc**

**Bảng 1.** Nhận thức chung của sinh viên khi học, tìm hiểu văn hóa Trung Quốc

STT		Đáp án				
		A	B	C	D	E
Câu 1	Số lượng sinh viên lựa chọn	34	36	16	12	21
	Tỉ lệ	31,4%	33,3%	14,8%	11,1%	19,4%
Câu 2	Số lượng sinh viên lựa chọn	32	36	28	24	18
	Tỉ lệ	29,6%	33,3%	25,9%	22,2%	16,6%
Câu 3	Số lượng sinh viên lựa chọn	108	98	99	92	19
	Tỉ lệ	100%	90,7%	91,6%	85,1%	17,5%
Câu 4	Số lượng sinh viên lựa chọn	36	40	25	9	
	Tỉ lệ	33,3%	37,0%	23,1%	8,3%	

*Chú thích.* Một số câu hỏi, sinh viên có thể lựa chọn nhiều đáp án

Cụ thể như sau:

Câu 1: Có 64,7% sinh viên cho rằng đây là môn học/vấn đề quá khó hoặc tương đối khó, 14,8% sinh viên cho rằng, môn này không khó, bình thường như những môn học/vấn đề khác. Đặc biệt, có 11,1% sinh viên cho rằng đây là vấn đề cũng dễ dàng. Ngoài ra, còn có 19,4% sinh viên còn đưa ra các ý kiến khác về những vấn đề thường gặp khi học môn/vấn đề này, như không có trải nghiệm thực tế, tài liệu hỗ trợ hạn chế, thời lượng lên lớp tương đối ít, hay nhầm lẫn giữa văn hóa hai nước... Có thể thấy, nhiều sinh viên cho rằng đây là một môn/vấn đề có độ khó, thách thức tương đối cao trong quá trình học chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Đây cũng là một trong những cơ sở để giảng viên đưa ra những giải pháp phù hợp tương ứng trong quá trình dạy môn học/vấn đề này.

Câu 2: Có 29,6% sinh viên cho rằng không biết nội hàm văn hóa như thế nào, 33,3% sinh viên cho rằng, khó khăn nhất là không biết vận dụng vào trong giao tiếp như thế nào, 25,9% cho rằng, dễ bị nhầm lẫn khi vận dụng, 22,2% cho rằng, kiến thức văn hóa Trung Quốc quá rộng lớn, khó nắm bắt và ngoài ra, còn có 16,6% sinh viên ngoài việc chọn 1 trong 4 đáp án từ A đến D, còn nêu ra những khó khăn khác như: Tâm lý e sợ, không tự tin khi vận dụng trong giao tiếp; Nhiều điểm tương đồng và khác biệt giữa văn hóa Việt Nam và Trung Quốc chưa có sự thông nhất, các nguồn tư liệu cũng có nhiều cách giải thích khác nhau; Có thể suy nghĩ, muốn diễn đạt về vấn đề văn hóa thật sự phong phú, sâu sắc, nhưng khả năng diễn đạt ngôn ngữ chưa đáp ứng được nhu cầu của bản thân,... Điều này cho thấy, những khó khăn mà sinh viên gặp phải hết sức đa dạng, nhưng lớn nhất vẫn là việc tìm hiểu nội hàm văn hóa, vận dụng kiến thức văn hóa vào trong giao tiếp, điều này cần có sự chỉ đạo, gợi mở cho sinh viên về mặt phương pháp, thủ pháp cụ thể áp dụng cho từng môn học/vấn đề văn hóa liên quan một cách cụ thể.

Câu 3: Có 100% sinh viên cho rằng, phải có sự chỉ đạo, hướng dẫn của giảng viên trong quá trình học tập môn/vấn đề văn hóa, và đa phần sinh viên đều mong muốn nắm được cách vận dụng kiến thức văn hóa trong giao tiếp, được hợp tác theo đội hình nhóm để hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ liên quan đến môn/vấn đề văn hóa Trung Quốc, được tham gia các hoạt động trải nghiệm văn hóa. Ngoài ra, còn có ý kiến cho rằng, việc học văn hóa nên được lồng ghép theo suốt quá trình học ngôn ngữ Trung Quốc, do văn hóa hai nước Việt - Trung có nhiều điểm tương đồng và khác biệt, nên nếu có sự phân tích so sánh cụ thể với văn hóa Việt Nam thì cũng là điều mà sinh viên mong đợi. Từ câu hỏi này có thể thấy nhu cầu và nhận thức của sinh viên, họ mong

muốn được làm việc theo nhóm, được giảng viên theo sát quá trình, được tham gia các hoạt động trải nghiệm, và hơn hết, họ đã ý thức được mục đích của học kiến thức văn hóa nhằm vận dụng trong giao tiếp, đây đều là những điều mà người học hết sức coi trọng.

Câu 4: Có 70,3% sinh viên lựa chọn rất hài lòng hoặc tương đối hài lòng, 23,1% sinh viên cảm thấy bình thường, 8,3% sinh viên vẫn cảm thấy không hài lòng. Điều này cho thấy, vẫn còn một số điểm tồn tại trong quá trình giảng dạy môn/vấn đề văn hóa Trung Quốc, và giảng viên phải tìm ra được những điểm tồn tại đó để khắc phục, cũng như phát huy những điểm mạnh đã có, hoặc tìm ra những phương pháp mới trong quá trình giảng dạy để ứng phó với thực trạng giảng dạy môn/vấn đề văn hóa nói chung, vận dụng kiến thức văn hóa họ tên trong giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc hiện nay.

#### 4.3.2. Khảo sát về nhận thức của sinh viên khi học, tìm hiểu kiến thức văn hóa trong tên người Trung Quốc

Trong phần này, chúng tôi đã đưa ra 7 câu hỏi khảo sát, kết quả cụ thể như sau:

##### 4.3.2.1. Về nhận thức của sinh viên đối với nguồn gốc họ tên người Trung Quốc

Có 55,6% số người được hỏi cho rằng, họ người Trung Quốc có nguồn gốc từ chế độ mẫu hệ, tên do cha đặt. 28,7% cho rằng, điều này xuất phát từ chế độ phụ hệ, tên do mẹ đặt. Tỷ lệ cho rằng, nguồn gốc họ từ chế độ nô lệ và phong kiến, tên do cha đặt chiếm lần lượt là 2,7% và 6,5%, cũng có một số ít người được hỏi đưa ra các phương án khác, như tôn giáo, tập tục, bộ mẹ cùng đặt,... Có thể thấy, sinh viên có quan điểm khác nhau về nguồn gốc họ tên của người Trung Quốc, nhưng đa phần cũng đã nhận thức được nguồn gốc từ chế độ mẫu hệ, tên do cha đặt theo quan điểm chính thống. Cụ thể qua bảng 2.

**Bảng 2.** Mức độ nhận thức của sinh viên về nguồn gốc họ tên người Trung Quốc

Bạn có biết nguồn gốc của họ tên người Trung Quốc?	Số người lựa chọn	Tỷ lệ %
A. Họ từ chế độ mẫu hệ, tên do cha đặt	60	55,6
B. Họ từ chế độ phụ hệ, tên do mẹ đặt	31	28,7
C. Họ từ chế độ nô lệ, tên do cha đặt	3	2,7
D. Chế độ phong kiến, tên do cha đặt	7	6,5
E. Khác	7	6,5

##### 4.3.2.2. Về nhận thức của sinh viên đối với đặc điểm của tên người Trung Quốc

Đa số sinh viên cho rằng, ngoài tên, người Trung Quốc còn có các cách gọi khác như bút danh, bí

danh, nghệ danh, biệt danh, ngoài ra còn có tên mụ, số ít sinh viên (13,9% và 36,1%) cho rằng, ngoài tên, thì người Trung Quốc còn có “tự” và “hiệu”, cụ thể qua bảng 3.1.

**Bảng 3.1.** Nhận thức của sinh viên về cách gọi khác của tên người Trung Quốc

Ngoài tên, người Trung Quốc còn có những cách gọi khác nào sau đây? (có thể lựa chọn nhiều đáp án)	Số người lựa chọn	Tỷ lệ %
A. Tự	25	13,9
B. Hiệu	39	36,1
C. Tên mụ	89	82,4
D. Nghệ danh	91	84,2
E. Bút danh	86	79,6
F. Biệt danh	90	83,3
G. Bí danh	77	71,2

Về đặc điểm tên người Trung Quốc, đa phần sinh viên đều cho rằng, tên là một ký hiệu đại diện cho một người, tên thường đứng sau họ, thường có hai chữ, thường mang theo ý nghĩa nhất định. Điều này chứng tỏ, do sự chuyển di tích cực từ tiếng mẹ đẻ, và sự tương đồng văn hóa, tuyệt đại đa số nên sinh viên Việt Nam đều có thể đưa ra những lựa chọn chính xác cho phần được hỏi, cụ thể được trình bày trong bảng 3.2.

**Bảng 3.2.** Nhận thức của sinh viên về đặc điểm tên người Trung Quốc

Đặc điểm của tên người Trung Quốc? (có thể lựa chọn nhiều đáp án)	Số người lựa chọn	Tỷ lệ %
A. Là một ký hiệu đại diện cho một người	108	100
B. Tên thường đứng sau họ	106	98,1
C. Tên đa số có 2 chữ	101	93,5
D. Tên thường mang theo ý nghĩa nhất định	107	99,1

Tuy nhiên, khi được hỏi về mức độ nhận thức về từng cách gọi tên trên của người Trung Quốc, thì đa số (82,4%) cho rằng, chỉ nắm được một số nội dung, ý nghĩa của một số cách gọi tên, số ít tự tin, nắm chắc nội dung, ý nghĩa của tất cả cách gọi tên (7,4%), ngoài tên, chỉ biết thêm 01 cách gọi tên khác (8,3%), và đặc biệt, có 1,9% chưa bao giờ nghe nói đến các cách gọi tên khác đó.

##### 4.3.2.3. Về nhận thức của sinh viên đối với nội hàm văn hóa của tên người Trung Quốc

Đa phần sinh viên (89,8%) đã nhận thức được, tên người Trung Quốc có nội hàm văn hóa sâu sắc hoặc tương đối sâu sắc, nhưng cũng có một bộ phận sinh viên cho rằng, tên người Trung Quốc cũng không có nội hàm văn hóa bình thường, không có gì nổi bật (9,3%), và không quan trọng, không cần để ý (0,9%).

4.3.2.4. Về cách nhận thức của sinh viên đối với nội hàm văn hóa của tên người Trung Quốc

Khi khảo sát về cách thức tìm hiểu, nhận thức của sinh viên đối với nội hàm văn hóa trong tên người Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy, 100% sinh viên hy vọng có thể nắm bắt, tìm hiểu, vận dụng kiến thức văn hóa họ tên người Trung Quốc trên lớp học. Ngoài ra, đa số cũng thông qua các con đường tìm hiểu khác như báo chí, tài liệu tự học, tự nghiên cứu, mạng internet. Đồng thời, cũng có một số sinh viên chỉ ra một số cách thức khác như tivi, đài phát thanh, hoạt động ngoại khóa,...

4.3.2.5. Về thái độ của sinh viên đối với nội hàm văn hóa của tên người Trung Quốc

Đa số sinh viên (93,5%) đều mong muốn rất sẵn sàng, sẵn sàng tham dự những hoạt động văn hóa liên quan đến tên người Trung Quốc, tuy nhiên vẫn còn một số ít phân vân (5,6%), hoặc không tham dự những hoạt động này (0,9%). Có thể thấy, sau một quá trình học ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, đa số sinh viên đã có sự coi trọng đối với các hoạt động văn hóa liên quan đến nội dung học tập, có sự chuẩn bị tâm lý cần thiết để tham gia các hoạt động đó.

4.3.3. Khảo sát lỗi của sinh viên Việt Nam khi tìm hiểu, vận dụng tên người Trung Quốc

4.3.3.1. Lỗi khi dịch tên người Trung Quốc

Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên mắc lỗi nhiều nhất ở các cái tên 熊洪涛 (34,3%), 诸葛何莹 (29,6%), 韦盼第 (28,7%), 赵惠婵 (27,8%). Điều này có thể giải thích, do 4 cái tên này, có chữ có nhiều âm Hán Việt (盼-Phán/Miền/Phiên, 婵-Thiên/Thuyền), có chữ thì sinh viên ít nhìn thấy hoặc chưa nhìn thấy (韦, 婵, 惠, 涛, 莹). Số lượng sai ít nhất ở cái tên Vương Ngữ Lợi, tuy nhiên, do ngay bản thân từ 俐 cũng có hai âm là Lợi/Lị, nên cũng vẫn có một số em mắc lỗi nhất định. Điều cần chỉ ra là, đối với một số từ có nhiều âm Hán Việt, hoặc với những từ có hình, bộ tương tự, thì sinh viên hay có thói quen dịch tương đương, mà không chú ý đến sự khác biệt, hoặc tính thông dụng, nghĩa tốt, xấu của từ trong âm Hán - Việt, ví dụ như 莹 (oánh) trong cái tên 诸葛何莹/Gia Cát Hà Oánh, do có một số chữ khác có hình bộ, âm, chữ thông dụng,... tương tự, nên sinh viên dễ nhầm thành (莹/oanh, doanh; 璩/anh; 莺/oanh; 颖/dĩnh,...).

4.3.3.2. Lỗi khi phán đoán giới tính qua tên người Trung Quốc

Về ví dụ 1, tên Hoàng/Huỳnh Tiểu Anh, đây là cái tên thông thường đặt cho con gái, nhưng có những trường hợp ngoại lệ, là do bố mẹ muốn người con trai sau này trở thành “小英雄/tiểu anh hùng”, cho nên đặt tên con trai là như thế. Đây là trường hợp có thể chọn cả hai đáp án. Tuy nhiên, do sinh viên khi dịch ra tiếng Việt, thấy cái tên “Tiểu Anh” giống với tên nữ trong tiếng Việt, nên đa số đã chọn là tên nữ giới, chỉ có một số ít chọn

cả hai đáp án, và lượng chọn riêng biệt chỉ là tên nam giới thì vô cùng thấp. Với ví dụ 2, do ảnh hưởng của xu thế đặt tên theo hướng ngược giới trong một thời gian nhất định, cho nên, con trai có thể dùng chữ như 红/Hồng, 彩/Thái, 静/Tĩnh, 凤/Phụng, con gái có thể dùng chữ 雄/Hùng, 豪/Hào, 壮/Trang, 伟/Vĩ (Trung, 2000, tr.112). Vì thế, ví dụ 2 cũng có thể chọn cả hai đáp án, tuy nhiên đa số sinh viên lại chọn là tên nam giới, rất ít sinh viên chọn là tên nữ giới. Với các ví dụ tên như Kiến Quốc, Tự Cường thì chắc chắn là tên nam, nhưng sinh viên lại hay mắc lỗi, hoặc bị sai lệch hướng suy nghĩ khi nhìn thấy họ 柯/Kha, họ 姝/Ti/Tư/Tý, họ 韦/Vi tương đối ít gặp. Hoặc với cái tên 盼娣/Phán Đề, bản chất là tên con gái, do người cha/mẹ của người đó mong muốn có con trai, nhưng giờ lại sinh con gái, họ mong muốn con tiếp theo phải là con trai, nên đặt tên kiểu chơi chữ đồng âm (娣/弟弟). Nhưng nhìn thấy cái tên này, đa số sinh viên đều nghĩ ngay đến tên con trai, vì thế, tỉ lệ sai khi phán đoán ở cái tên này rất cao. Với những cái tên rõ ràng là nữ như ví dụ 7, 8, hoặc với cái tên rõ ràng là nam như số 10, vẫn có xác suất đoán sai nhất định do ảnh hưởng của âm Hán - Việt,... Thực tế, phải căn cứ vào nhiều yếu tố như: Ý nghĩa của mặt chữ, ý nghĩa của các chữ trong tên khi ghép lại với nhau, ngữ âm, bối cảnh thời đại, hoàn cảnh gia đình, khuynh hướng, xu thế đặt tên... để đoán rằng cái tên đó là nam hay nữ, nhưng nhiều sinh viên vẫn chưa nắm được điều này.

5. Thảo luận

Kết quả khảo sát sẽ là cơ sở, là tiền đề để đưa ra một số giải pháp học tập (họ) tên người Trung Quốc nói riêng, ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc nói chung từ góc độ nâng cao nhận thức đối với sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc - Trường Đại học Hùng Vương nói riêng, sinh viên, người học Việt Nam nói chung. Đương nhiên, việc đưa ra các giải pháp một cách triệt để, toàn diện, khoa học cũng cần phải căn cứ vào một số yếu tố khác, dựa trên tổng hợp các thành quả nghiên cứu liên quan, nhưng với kết quả nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng, có thể đưa ra và áp dụng những đôi sách, biện pháp sau: (i) Coi trọng học tập kiến thức văn hóa, nâng cao năng lực ngữ dụng; (ii) Nắm chắc nội dung văn hóa trong học tập ngôn ngữ bằng nhiều phương thức học tập khác nhau; (iii) Coi trọng học tập, tìm hiểu, nắm bắt phương thức tư duy văn hóa, quan niệm giá trị văn hóa của người Trung Quốc; (iv) Chủ động, phản ứng tương thích với giảng dạy văn hóa; (v) Cố gắng làm chủ vốn văn hóa; (v) Coi trọng học tập nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa,... Các biện pháp, đôi sách này nên được vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Cũng chính vì thế, nghiên cứu này sẽ là cơ sở, là tiền đề cho các không gian nghiên cứu sẽ được triển khai trong tương lai tiếp theo sau.

## 6. Kết luận

Phương pháp giao tiếp liên văn hoá được cho là cách tiếp cận phù hợp nhất hiện nay trong giảng dạy và học tập ngoại ngữ nói chung, tiếng Hán nói riêng. Thông qua nghiên cứu này, có thể thấy tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức của sinh viên về kiến thức văn hóa và vai trò quan trọng của nó đối với việc học tập của sinh viên Việt Nam. Học tập, vận dụng kiến thức văn hóa không chỉ đơn thuần là vấn đề của một vài môn học, học phần như Đất nước học, Văn hóa Trung Quốc,... mà công việc này xuyên suốt toàn bộ quá trình học tập chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc. Vận dụng kiến thức văn hóa trong học tập tiếng Hán phản ánh rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, vị trí quan trọng của văn hóa trong học tập ngôn ngữ, từ đó góp phần nâng cao năng lực ngôn ngữ toàn diện của sinh viên, đạt được hiệu quả như mong muốn. Do “Văn hóa của bất kỳ dân tộc nào cũng có hai lớp - hiện tượng bên ngoài và bản chất bên trong. Thông thường, về bên ngoài luôn được nhận biết một cách rõ ràng, nhanh chóng, còn mặt ẩn dấu bên trong luôn được che đậy một cách khôn khéo dưới lớp vỏ tư tưởng, lý luận, quan niệm, tri thức chủ đạo,... của xã hội” (Quan, 2018, tr.126), cho nên, điều có thể lý giải từ kết quả khảo sát là, nhận thức của sinh viên về nội hàm,

kiến thức văn hóa trong tên người Trung Quốc nói riêng, văn hóa Trung Quốc nói chung vẫn còn tồn tại một số vấn đề như: Người học đa phần có tâm lý cho rằng Văn hóa Trung Quốc là một môn/vấn đề tương đối khó, họ gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình học môn/vấn đề này, trong đó kiến thức về họ tên người Trung Quốc, vận dụng kiến thức này vào trong quá trình giao tiếp liên văn hóa là điều mà sinh viên cũng hết sức trăn trở, sinh viên cũng chưa có nhận thức đầy đủ, chưa nắm chắc về đặc điểm của họ tên người Trung Quốc và những nội hàm văn hóa ẩn chứa trong đó, chưa biết vận dụng đầy đủ những kiến thức liên quan vào quá trình học tập, sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc của cá nhân, dẫn đến một số lỗi nhất định. Điều đáng mừng là, đa số sinh viên đã nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa trong học ngôn ngữ, có ý thức, mong muốn được học tập, học hỏi, tìm hiểu văn hóa Trung Quốc nói chung, tên người Trung Quốc nói riêng. Điều đó đòi hỏi giảng viên phải có những giải pháp phù hợp, sáng tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy theo tình hình và đối tượng thực tiễn, nhằm đạt được hiệu quả giảng dạy như mong muốn. Đồng thời, bản thân người học cũng phải có những đổi sách tương ứng, linh hoạt, nhằm đáp ứng đòi hỏi, nhu cầu học tập thực tiễn.

### Tài liệu tham khảo

- An, B. T. (2006). *Khai luận giảng dạy tiếng Hán đối với người nước ngoài* (Ban tiếng Trung). Nxb. Công ty xuất bản sách The gioi, chi nhánh Bắc Kinh.
- Boi, L. T. (2011). *Ngon ngu va van hoa* (Ban tiếng Trung). Nxb. Bắc Kinh.
- Duong, H. G. (2014). *Van hoa Trung Quoc* (Ban tiếng Trung). Nxb. Ngon ngu Bac Kinh.
- Khang, N. Van. (1999). *Ngon ngu hoc xa hoi - Nhung van de co ban*. Nxb. Khoa hoc Xa hoi.
- Lo, V. T., & Tran, V. N. (2020). “Mô hình tinh thần ngôn ngữ không theo mặt chủ trong tiếng Hán (Ban tiếng Trung). *Tap chi Dai hoc Triet Giang*, so 4, tr.176-188.
- Luong, T. H. (2017). Mạn đàm về “Luan thuyết mới về văn hóa tên gọi.” *Tap chi Giang day va Nghien cuu Ngon ngu*, so 5, tr.108-111.
- Man, V. (2021). *Nghien cuu dac trung van hoa thoi dai cua ho ten nguoi Trung Quoc va khuyen nghi dat ten cho luu hoc sinh* (Ban tiếng Trung). Luận văn thạc sĩ Đại học Công nghệ Đại Liên.
- Minh, P. T. (1990). *Tam ly hoc tri nhan va giao duc nhan cach* (Ban tiếng Trung). Nxb. Đại học Sư phạm Thiểm Tây.
- Phe, H. (2015). *Tu dien tieng Viet*. Nxb. Đà Nẵng.
- Quan, D. T. (2018). *Giang day ngon ngu, van hoc va lich su trong khu vuc van hoa chu Han*. Nxb. The gioi.
- Sieu, T. H. (2012). Su “noi hoa” trong tài liệu Hoa văn hai ngoại (Ban tiếng Trung). *Bao Giang day Hoa van*, so 3, tr.12.
- Trung, C. T. (2000). *Dat ten bao dien* (Ban tiếng Trung). Nxb. Văn Liên.
- Trung tam Nghien cuu tu thu. (2000). *Tu dien Han ngu ung dung* (Ban tiếng Trung). Nxb. Thương vụ an thủ quan.
- Tung, L. T. (1992). *Đại cương khai luận giảng dạy tiếng Hán đối với người nước ngoài* (Ban tiếng Trung). *Tap chi Giang day tieng Han the gioi*, so 2, tr.113-124.
- Y, T. N., & Kieu, V. T. (2017). *Họ tên người Trung Quốc và đặc trưng văn hóa* (Ban tiếng Trung). *Tap chi Van hoa Phuong Bac*, so 5, tr.15-17.

# NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC VỀ VĂN HÓA ĐẶT TÊN CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC

TRƯỜNG HỢP ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG\*

**Đỗ Tiến Quân<sup>a</sup>; Lê Thị Thu Trang<sup>b</sup>  
Khổng Thị Hà Giang<sup>c</sup>; Trần Thị Ngọc Chi<sup>d</sup>**

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hùng Vương

Email: <sup>a</sup> [quandovn@yahoo.com](mailto:quandovn@yahoo.com); <sup>b</sup> [thutrangalz@gmail.com](mailto:thutrangalz@gmail.com); <sup>c</sup> [hagiang271199hgvp@gmail.com](mailto:hagiang271199hgvp@gmail.com); <sup>d</sup> [tranchi41001@gmail.com](mailto:tranchi41001@gmail.com)

Nhận bài: 26/1/2022; Phản biện: 13/2/2022; Tác giả sửa: 19/2/2022; Duyệt đăng: 07/3/2022; Phát hành: 31/3/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/643>

Là một thành phần cấu thành quan trọng của văn hóa truyền thống Trung Hoa, văn hóa họ tên người Trung Quốc luôn được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa hết sức coi trọng. Cái tên không chỉ là một ký hiệu đại diện cho một con người, mà còn là phản ảnh diện mạo kinh tế, xã hội, phong tục tập quán, quan niệm gia đình, giá trị sống, lý tưởng... của một thời đại, một quốc gia, dân tộc. Do đó, họ tên, đặc biệt là “tên” có nội hàm văn hóa hết sức sâu sắc. Đối với những sinh viên, người học Việt Nam chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc, tìm hiểu về nội hàm văn hóa trong tên người Trung Quốc cũng là một chủ đề bắt buộc. Dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận, trên cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn, bằng phương pháp điều tra, khảo sát, thống kê, phân tích và tổng hợp, bài viết làm rõ nhận thức của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Hùng Vương về văn hóa đặt tên của người Trung Quốc, đặt cơ sở khoa học cho những giải pháp, kiến nghị về việc dạy và học tiếng Hán tại Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu chuyên ngành.

*Từ khóa: Nhận thức; Văn hóa; Đặt tên; Người Trung Quốc.*

\* Bài báo này là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường Đại học Hùng Vương: “Tìm hiểu văn hóa đặt tên của người Trung Quốc”, HVU-2022.